TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN,
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 85/ 2018/ QĐST - HNGĐ

Bỉm sơn, ngày 04 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ- ƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 28, Điều 212, 213; khoản 3 Điều 144, Khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 210, 213 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 33,, 38, 39, 40, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 5, Khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí tòa án và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ường vụ Quốc Hội khóa 14;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc các đ- ương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 49/2016/ TLST - HNGĐ ngày 04/5/2016;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đ- ương sự đ- ược ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đ- ương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đ- ương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các Đ□ương sự:

Nguyên đơn**:** Ông Phạm Văn D- sinh năm 1965

Đ/c: Tổ A, khu phố B, ph- ường B, thị xã B, tỉnh T

Bị đơn: Bà Tống Thị P(tên khác là Tống Thị P) - sinh năm 1967

Đ/c: tổ A, khu phố B, ph- ường B, thị xã B, tỉnh T.

Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND ph- ường B, thị xã B, tỉnh T

Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn T- chức vụ: Chủ tịch

2. Sự thỏa thuận của các đ□ương sự cụ thể nh□ sau: Các đ□ương sự thống nhất:

Giao cho ông Phạm Văn D toàn quyền sử dụng:

- 01 Nhà cấp 4 hiện nay ông D đang ở, theo hội đồng định giá trị giá 10.000.000đ - 01 nhà bếp trị giá 10.000.000đ
- 02 chuồng lợn trị giá 5.000.000đ
- 20 cây lát trồng trên v- ờn giá 2.000.000đ.

Tổng giá trị 27.000.000đ(hai m- ơi bảy triệu đồng).

Giao cho bà Tống Thị P toàn quyền sử dụng:

- 01 nhà 2 tầng diện tích 49m^2, diện tích sàn tầng 2 là 50,37m^2 trị giá 40.000.000đ(Bốn m- ơi triệu đồng).

- Về đất: Phần đất có chiều rộng phía tr- ớc 12m phía sau 12m tính từ mép đ- ờng vào kho xăng dầu bà Ph- ơng đ- ợc tạm sử dụng. Phần đất còn lại phía trong ông D đ- ợc tạm sử dụng cho đến khi có quyết định chính thức của Cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền.

Phần công trình nhà cấp 4 giao cho ông D có 1 phần nằm trên đất tạm giao cho bà P.

Ông D có trách nhiệm phải trả lại phần đất đó cho bà P tạm sử dụng khi ông D phá nhà hoặc bán nhà cho ng- ời khác.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

Ông Phạm Văn D phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là:675.000đ(Sáu trăm bảy m- ơi lăm ngàn đồng) nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.225.700đ(Một triệu, hai trăm hai m- ơi lăm ngàn bảy trăm đồng) ông Dầu đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn theo biên lai thu số: AA/2014/0004834 ngày 04/5/2016. Nh- vậy, ông D đ- ợc nhận lại số tiền 550.700đ(Năm trăm năm m- ơi lăm ngàn, bảy trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Tống Thị P phải nộp 1.000.000đ(Một triệu đồng) án phí DSST tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát;
- Đ- ơng s- ;
- Giám đốc án;
- Chi cục thi hành án;
- L- u Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

L- U THỊ LAN